

Số: 14 /2019/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Thực hiện Quy định số 89-QĐ/TW ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính; Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BXD-BNV ngày 16/11/2015 của Bộ Xây dựng, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 921/TTr-SXD ngày 01/7/2019 về việc ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm các chức danh Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn thuộc Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi chung là Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở); Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Công chức, viên chức được xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh tại khoản 1 Điều này.

b) Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm các chức danh quy định tại Quyết định này là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức, viên chức giữ các chức danh quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

2. Các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm các chức danh tại khoản 1 Điều 1 không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được trích dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 3. Tiêu chuẩn chung

1. Về phẩm chất chính trị

a) Trung thành với lợi ích của Đảng, của quốc gia, dân tộc và nhân dân; kiên định chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu, lý tưởng về độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng.

b) Có lập trường, quan điểm, bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trong bất cứ tình huống nào, kiên quyết đấu tranh bảo vệ Cương lĩnh, đường lối của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước.

c) Có tinh thần yêu nước nồng nàn, đặt lợi ích của Đảng, quốc gia - dân tộc, nhân dân, tập thể lên trên lợi ích cá nhân; sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp của Đảng, vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

d) Yên tâm công tác, chấp hành nghiêm sự phân công của tổ chức và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

2. Về đạo đức lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật

a) Có phẩm chất đạo đức trong sáng; lối sống trung thực, khiêm tốn, chân thành, giản dị; cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư.

b) Tâm huyết và có trách nhiệm với công việc; không tham vọng quyền lực, không háo danh; có tinh thần đoàn kết, xây dựng, gương mẫu, thương yêu đồng chí, đồng nghiệp.

c) Không tham nhũng, quan liêu, cơ hội, vụ lợi và tích cực đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, lợi ích nhóm, nói không đi đôi với làm; công bằng, chính trực, trọng dụng người tài, không để người thân, người quen lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi.

d) Tuân thủ và thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình.

đ) Có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy chế của cơ quan và quy định của địa phương nơi cư trú.

3. Về trình độ: Có trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, tin học, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao và theo quy định của Đảng, Nhà nước.

4. Về năng lực và uy tín

a) Có tư duy đổi mới, có tầm nhìn, phương pháp làm việc khoa học; có năng lực tổng hợp, phân tích và dự báo. Có khả năng phát hiện những mâu thuẫn, thách thức, thời cơ, thuận lợi, vấn đề mới, khó và những hạn chế, bất cập trong thực tiễn; mạnh dạn đề xuất những nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, khả thi, hiệu quả để phát huy, thúc đẩy hoặc tháo gỡ.

b) Có năng lực thực tiễn, nắm chắc và hiểu biết cơ bản tình hình thực tế để cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực, địa bàn công tác được phân công; cần cù, chịu khó, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và vì nhân dân phục vụ.

c) Có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo; gương mẫu, quy tụ và phát huy sức mạnh tổng hợp của tập thể, cá nhân; được cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân tin tưởng, tín nhiệm.

d) Có khả năng nghiên cứu, tham mưu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất các giải pháp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước và các hoạt động sự nghiệp thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở Xây dựng và của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo quy định.

5. Về sức khỏe, độ tuổi và kinh nghiệm: Có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm tuổi bổ nhiệm theo quy định; có kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực được bổ nhiệm.

Điều 4. Tiêu chuẩn cụ thể

1. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, phù hợp với vị trí việc làm dự kiến được bổ nhiệm.

2. Có bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị trở lên hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương trở lên của cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 2 hoặc tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

4. Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

5. Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước (ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở lên) hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngành hành chính học, thạc sĩ quản lý hành chính công, tiến sĩ quản lý hành chính công hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu vị trí việc làm (đối với chức danh là viên chức).

Điều 5. Điều kiện bổ nhiệm

1. Là công chức, viên chức trong quy hoạch chức danh bổ nhiệm hoặc chức danh tương đương trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trừ trường hợp luân chuyển, điều động gắn với bổ nhiệm giữ chức vụ tương đương tại phòng, đơn vị khác.

2. Đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 và Điều 4 Quyết định này.

3. Đảm bảo đúng độ tuổi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo quy định hiện hành.

4. Có hồ sơ, lý lịch cá nhân, kê khai tài sản, thu nhập, tiêu chuẩn chính trị được cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, xác nhận.

5. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

6. Không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 56 Luật Viên chức năm 2010.

7. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Chi cục trưởng, Chánh Văn phòng, Trưởng phòng, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở; Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (không tính thời gian tập sự, thử việc), đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm trở lên; có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Chi cục trưởng, Phó Chánh Văn phòng, Phó Trưởng phòng, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở; Phó Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phó Trưởng phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (không tính thời gian tập sự, thử việc); có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

8. Các điều kiện bổ nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nội vụ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Giám đốc Sở Xây dựng:

a) Xây dựng quy hoạch công chức, viên chức vào các chức danh lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng;

b) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Xây dựng;

d) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Xây dựng theo quy định.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

a) Xây dựng quy hoạch công chức vào các chức danh lãnh đạo Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị theo thẩm quyền;

b) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức thuộc thẩm quyền quản lý làm nguồn bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị;

c) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị theo quy định của pháp luật và Quyết định này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2019 và thay thế Quyết định số 41/2010/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng Tuyên Quang.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 7;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Tuyên Quang;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- TT HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Tin học - Công báo, VP UBND tỉnh;
- TP, PTP NC;
- Lưu: VT, NC (Thg).

Phạm Minh Huấn